TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 270/2017/DS-PT
Ngày: 22-9-2017
V/v tranh chấp quyền
sử dụng đất và bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Mai;

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2013/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2013 về tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 64/2013/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 208/2017/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Hồ Thị Bé E, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Số 21/3, ấp T, xã T M, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Hồ Thị C, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Số 226, Tổ A, Ấp B, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Hồ Thanh S, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Số 2026, Tổ S, Khóm F, Phường Y, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Hồ Văn L, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Số 622, Ấp F, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

5. Hồ Thị M, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Số 580, Tổ Y, ấp T, xã Tịnh T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

6. Hồ Thị Kim C, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số 286, Tổ Q, Ấp R, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

7. Hồ Thanh Long, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số A, Tổ G, Khóm U, Phường O, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Hồ Thị Bé E, Hồ Thị C, Hồ Văn L, Hồ Thị M, Hồ Thị Kim C và Hồ Thanh L là: Ông Hồ Thanh S, sinh năm 1961. Địa chỉ: Số 2026, Tổ S, Khóm F, Phường Y, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hồ Thanh S là: Luật sư Thái Quang T – Văn phòng luật sư N thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*:

1. Lê Văn H (Lê H), sinh năm 1953;

Địa chỉ: Số 1958, Tổ S, Khóm F, Phường Y, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Lê Thị Đ, sinh năm 1944 (Chết ngày 08/11/2016);

Địa chỉ: Số 1962, Tổ S, Khóm F, Phường Y, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Đ:

1. Phan Thị Thu H, sinh năm 1968 (Con bà Đ);

Địa chỉ: Số 1962, Tổ S, Khóm F, Phường Y, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Phan Văn N, sinh năm 1970 (Con bà Đ);

Địa chỉ: Số 134, Đường T, Trung tâm H, khu phố N, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của anh Phan Văn N là: Chị Phan Thị Thu H, sinh năm 1968 (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/7/2017).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Hoàng Thị Đ, sinh năm 1956 (Vợ ông H);

2. Lê Minh N, sinh năm 1985 (Con ông H);

3. Lê Minh H, sinh năm 1988 (Con ông H);

4. Lê Minh T, sinh năm 1990 (Con ông H);

Cùng địa chỉ: Số 1958, Tổ S, Khóm F, Phường Y, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

5. Phan Thị Thu H, sinh năm 1968 (Con bà Đ);

Địa chỉ: Số 1962, Tổ S, Khóm F, Phường Y, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

6. Phan Văn N, sinh năm 1970 (Con bà Đ);

Địa chỉ Số 134, Đường T, Trung tâm H, khu phố N, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của anh Phan Văn N là: Chị Phan Thị Thu H, sinh năm 1968 (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/7/2017).

7. Lê Minh H, sinh năm 1969 (Chồng chị H) (Có đơn xin vắng mặt);

8. Lê Trường H, sinh năm 1991(Con chị H) (Có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 1962, Số 134, Đường T, Trung tâm H, khu phố N, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

9. Ủy ban nhân dân thành phố C.

Người đại diện theo theo pháp luật là: Ông Phan Văn T, chức vụ Chủ tịch UBND thành phố C (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 03, Đường X, Phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo*: Ông Hồ Thanh S là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Ông Hồ Thanh S cùng là người đại diện của các đồng nguyên đơn gồm Hồ Văn L, Hồ Thanh L, Hồ Thị Bé E, Hồ Thị C, Hồ Thị M và Hồ Thị Kim C trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Hồ Văn L (Ông L là cha của các Nguyên đơn). Khoảng từ năm 1993, 1994 cho đến nay hộ của ông Lê Văn H và bà Lê Thị Đ lấn chiếm đất của ông Hồ Văn L mặt tiền cặp Quốc lộ 30. Ông L có làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết nhưng không thành. Sự việc kéo dài đến năm 1999, ông L bị bệnh qua đời, ông S là con của ông L tiếp tục tham gia giải quyết. Ông Hồ Văn L khi qua đời không để lại di chúc, ngày 22/7/1999 bà Ngô Thị Q (chết) là vợ của ông L cùng các con của ông L ủy quyền cho ông Hồ Thanh S tiếp tục gởi đơn tranh chấp. Ủy ban nhân dân Phường Y đã giải quyết hòa giải thành giữa hai bên xong. Ngày 11/6/2008, Ủy ban nhân dân Phường Y đo đất lập biên bản giao đất bên gia đình ông S được quyền sử dụng diện tích đất mặt tiền giáp Quốc lộ 30 nhưng ông Lê Văn H và bà Lê Thị Đ vẫn tiếp tục lấn chiếm để sử dụng cho việc kinh doanh. Ông S tiếp tục làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết nhưng không thành. Vụ việc phát sinh tranh chấp từ năm 1993, 1994 đến nay nhưng không biết lý do nào mà hộ ông Lê Văn H và bà Lê Thị Đ được cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận QSD đất.

Ông Hồ Thanh S yêu cầu ông Lê Văn H, bà Hoàng Thị Đ, anh Lê Minh N, anh Lê Minh H, anh Lê Minh Th cùng liên đới tháo dỡ nhà cất trên đất lấn chiếm, trả lại diện tích đất tranh chấp trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4 theo sơ đồ trích đo phần đất tranh chấp giữa ông S và ông H của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường Đồng Tháp, diện tích là 105,850m^2 và bồi thường thiệt hại do bị lấn chiếm đất để kinh doanh từ năm 1993 đến nay là 81.135.000đ cho Hồ Văn L, Hồ Thanh L, Hồ Thị Bé E, Hồ Thị C, Hồ Thị M, Hồ Thị Kim C và Hồ Thanh S.

Yêu cầu bà Lê Thị Đ, Phan Văn N, Lê Minh H, Lê Trường H, Phan Thị Thu H cùng liên đới tháo dỡ các tài sản trên phần đất lấn chiếm diện tích là 20,442m^2 trả lại đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại do bị lấn chiếm đất để kinh doanh là 15.670.000 đồng cho Hồ Văn L, Hồ Thanh L, Hồ Thị Bé E, Hồ Thị

C, Hồ Thị M, Hồ Thị Kim C, Hồ Thanh S.

Đối với phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại thửa số 1039, theo trích lục bản đồ do Ủy ban nhân dân thành phố C cung cấp kèm theo công văn trả lời số 716/UBND, ngày 04/7/2012 và phần đất lối đi giáp với phần diện tích đất tranh chấp, ông S và các đồng nguyên đơn không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Hồ Thanh S cùng các đồng nguyên đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Lê Văn H (cấp vào năm 2005) vì UBND thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sai quy trình về thủ tục hành chính, do đất đang có tranh chấp.

- Bị đơn:

+ Ông Lê Văn H cùng là người đại diện theo ủy quyền của Hoàng Thị Đ, Lê Minh N, Lê Minh H và Lê Minh T trình bày:

Phần đất hiện ông sử dụng cất nhà ở là của ông Hồ Văn L (cha của ông Sơn) cố cho 04 người là ông Lê Đ, ông Đoàn Minh Q, bà Lê Thị Đ và bà Nguyễn Thị T vào ngày 25/3/1977, diện tích là 01 công đất tầm 03 mét (tương đương 1.000m^2). Ông L không chuộc lại nên đất này thuộc quyền sử dụng của ông Lê Đ, ông Đoàn Minh Q, bà Lê Thị Đ và bà Nguyễn Thị T. Diện tích đất này chia ra cho 04 người cất nhà ở như hiện nay. Phần đất hiện nay ông đang sử dụng là do ông Lê Đ giao lại cho ông từ năm 1984.

Diện tích đất ngang 23m, dài 10m ông S tranh chấp là đất mương lộ không phải của ông L. Phần đất này ông đã san lấp và sử dụng từ năm 1990 đến nay. Năm 1994, khi ông L chết thì ông S con ông L đứng ra tranh chấp chính quyền địa phương có giải quyết nhưng không thành. Đến năm 2005, ông được cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với phần đất này.

Vì vậy, ông cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong hộ của ông không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của các Nguyên đơn.

+ Chị Phan Thị Thu H cùng là người đại diện theo ủy quyền của Phan Văn N, Lê Minh H và Lê Trường H trình bày:

Phần đất mà gia đình bà Đ đang sử dụng là của bà Đ mua của ông Hồ Văn L để cất nhà ở từ năm 1977 đến nay. Bà Đ đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận QSD đất vào năm 2009. Phần đất ông S tranh chấp là phần đất

mương lộ phía trước phần đất bà Đ mua của ông L giáp với Quốc lộ 30. Bà Đ lót sàn để bán tạp hóa, sau đó bà Đ đổ đất lấp mương đến năm 1990 mới bằng mặt đường như hiện nay. Tổng cộng tiền san lấp là 11.150.000đ, tương đương tại thời điểm đó là 29 chỉ vàng 24k. Khi gia đình bà Đ san lấp thì không có ai có tranh chấp hay khiếu nại gì.

Việc ông S và các đồng Nguyên đơn yêu cầu bà Lê Thị Đ, những người chung hộ của bà Đ là Phan Thị Thu H, Phan Văn N, Lê Minh H, Lê Trường H tháo dỡ các tài sản trên phần đất lấn chiến và yêu cầu bồi thường, bà Lê Thị Đ và những người chung hộ của bà Đ không đồng ý vì đất này gia đình bà Đ sử dụng ổn định từ năm 1977 đến nay.

+ Ủy ban nhân dân thành phố C:

Tòa án nhân dân thành phố C đã tống đạt thông báo về phiên hòa giải về việc Nguyên đơn trong vụ án yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Lê Văn H nhưng Ủy ban nhân dân thành phố C không có ý kiến gởi cho Tòa án và văn bản xin vắng mặt.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2013/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Toà án nhân dân thành phố C đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của ông S và các đồng nguyên đơn ông Hồ Thanh S yêu cầu ông Lê Văn H, bà Hoàng Thị Đ, anh Lê Minh N, anh Lê Minh H, anh Lê Minh T cùng liên đới tháo dở nhà cất trên đất lấn chiếm, trả lại diện tích đất tranh chấp là 105,850m^2, tại thửa số 198, tờ bản đồ số 16 do hộ ông H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bồi thường số tiền do lấn chiếm đất để kinh doanh từ năm 1993 đến nay là 81.135.000 đồng cho ông (bà): Hồ Văn L, Hồ Thanh L, Hồ Thị Bé E, Hồ Thị C, Hồ Thị M, Hồ Thị Kim C, Hồ Thanh S.

Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ của ông H năm 2005, diện tích là 80,5m^2, tại thửa số 198, tờ bản đồ số 16 do hộ ông H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/8/2012 của Tòa án nhân dân thành phố C và sơ đồ đo đạc của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường Đồng Tháp.

Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố C thu hồi một phần diện tích đất là 80,5m^2, tại thửa số 198, tờ bản đồ số 16, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ của ông Lê Văn H vào năm 2005, để giao lại cho Ủy ban nhân

dân thành phố C quản lý theo quy định.

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông S và các đồng nguyên đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ của ông H năm 2005.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bà Lê Thị Đ, Phan Văn N, Lê Minh H, Lê Trường H, Phan Thị Thu H cùng liên đới tháo dỡ các tài sản trên phần đất lấn chiến, diện tích là 20,442m^2 trả lại đất và yêu cầu bồi thường chi phí lấn chiếm đất để kinh doanh là 15.670.000 đồng.

Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần diện tích đất mà nguyên đơn rút yêu cầu đối với hộ của ông H là 20,65m^2 và số tiền là 3.865.000 đồng.

Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần diện tích đất mà nguyên đơn rút yêu cầu đối với hộ của bà Đ là 7,535m^2 và số tiền là 69.330.000 đồng.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng là 8.124.512 đồng, ông Hồ Thanh S và các đồng nguyên đơn phải chịu, số tiền này do ông S tạm ứng và đã chi xong, về án phí DSST:

Căn cứ theo quy định tại khoản 1, Điều 131 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 - Pháp Lệnh về án phí, lệ phí Tòa án, ngày 27/02/2009;

Ông Hồ Thanh S và các đồng nguyên đơn được nhận lại số tiền số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do rút lại một phần yêu cầu đối với diện tích đất tranh chấp và số tiền yêu cầu bồi thường là 1.889.500 đồng.

Ông Hồ Thanh S và các đồng nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do nguyên đơn được chấp nhận một phần đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với số tiền là 200.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 006383, ngày 16/7/2012 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Hồ Thanh S và các đồng nguyên đơn phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.524.500 đồng. Nhưng được khấu trừ vào số tiền nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm còn lại là 4.578.500 đồng (do đã trừ số tiền là 209.000 đồng trả lại cho nguyên đơn theo quyết định đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện, Số: 345/2012/QĐST-DS, ngày 07/12/2012, trong số tiền 4.787.500 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 004050, ngày 05/5/2011 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp và số tiền nguyên đơn được nhận lại do nguyên đơn rút một phần yêu cầu là

1.889.500 đồng, số tiền là 200.000 đồng do nguyên đơn được chấp phận một phần yêu cầu. Ông Hồ Thanh S và các đồng nguyên đơn còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.856.500 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10 tháng 9 năm 2013 ông Hồ Thanh S có kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Ông Hồ Thanh S rút một phần kháng cáo và yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu hộ ông Lê Văn H bồi thường thiệt hại số tiền là 88.600.000đ, không yêu cầu hộ bà Lê Thị Đ bồi thường thiệt hại là 15.670.000đ.

+ Vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Hồ Thanh S phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Thanh S, sửa bản án sơ thẩm.

+ Vị Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng, từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu rút một phần trong đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của nguyên đơn Hồ Thanh S:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Hồ Thanh S rút yêu cầu đối với hộ Lê Văn H phải bồi thường thiệt hại số tiền là: 81.135.000đ, lấn chiếm và chiếm dụng đất cho người khác thuê mướn kinh doanh mua bán và hộ bà Lê Thị Đ (*con là Phan Thị Thu H người đại diện*) bồi thường số tiền thiệt hại chiếm dụng đất để kinh doanh mua bán là: 15.679.000đ.

- Không chấp nhận đơn kháng cáo nguyên đơn Hồ Thanh S về phần tranh chấp Quyền sử dụng đất, các phần khác giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

- Về án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ông Hồ Thanh Sơn cho rằng ông Hồ Văn L là cha của ông chỉ chuyển nhượng đất cho bốn hộ là bà Lê Thị Đ, ông Lê Đ, ông Đoàn Minh Q và bà Nguyễn Thị T, diện tích 1.000m^2 đất tính từ mương lộ trở vào. Còn phần diện tích đất mương lộ là của gia đình ông bị hộ ông H và hộ bà Đ lấn chiếm. Tuy nhiên, Ông H và người thừa kế của bà Đ không thừa nhận diện tích đất mương lộ là của ông L để lại cho các đồng Nguyên đơn và ông S cũng không có gì để chứng minh diện tích đất này là của ông L để lại cho các chị em của ông. Mặt khác, tại công văn số 1307/UBND-TN ngày 29/8/2013 của UBND thành phố C cũng xác định diện tích đất tranh chấp là mương lộ. Phần mương lộ dọc theo Quốc lộ 30 có từ trước năm 1975 do chính quyền chế độ cũ đào lấy đất đắp đường. Vì vậy, không đủ cơ sở để xác định phần đất tranh chấp là của các Nguyên đơn nên kháng cáo của ông S là không có căn cứ.

Xét bản án sơ thẩm tuyên hủy một phần giấy chứng nhận QSD đất cấp cho hộ ông Lê Văn H vào năm 2005 với diện tích 80,5m^2, thửa 198, tờ bản đồ số 16 và đề nghị UBND thành phố C diện tích đất này là chưa phù hợp, vì diện tích đất này UBND thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông hộ H và hộ ông Hòa với UBND thành phố C cũng không có tranh chấp nên việc thu hồi hay không thu hồi thuộc thẩm quyền của UBND thành phố C. Do đó, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm đối với phần này.

Trong giai đoạn giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm các Nguyên đơn rút một phần yêu cầu đối với hộ của ông H là 20,65m^2 đất và số tiền là 3.865.000đ; Rút một phần yêu cầu đối với hộ bà Đ là 7,535m^2 đất và số tiền là 69.330.000đ. Đây là việc các Nguyên đơn thay đổi yêu cầu của mình nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ đối với việc rút yêu cầu này là không cần thiết.

Xét đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và một phần kháng cáo ngày 24/8/2017 của ông Sơn đối với phần yêu cầu hộ ông Lê Văn H bồi thường thiệt hại số tiền là 88.600.000đ và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị Đ bồi thường 15.670.000đ, tại phiên tòa ông S vẫn giữ nguyên yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện và một phần kháng cáo như trên và được các Bị đơn chấp nhận nên Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm và

đình chỉ đối với phần này.

Xét đề nghị của vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Hồ Thanh S đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Thanh S, sửa bản án sơ thẩm là chưa phù hợp như đã phân tích ở trên.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc ông Sơn rút phần yêu cầu bồi thường thiệt hại; Không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Thanh S về phần tranh chấp quyền sử dụng đất là có căn cứ một phần như đã phân tích ở trên.

Từ những căn cứ nêu trên xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông S là có căn cứ và phù hợp pháp luật. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của ông Sơn, sửa và hủy một phần bản án sơ thẩm.

Phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 299, điểm c, khoản 1 Điều 289, khoản 2 và 3 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 203 của Luật đất đai năm 2003; Pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Hủy và đình chỉ một phần bản án dân sự sơ thẩm về phần yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Hồ Thanh S đối với hộ ông Lê Văn H, bà Hoàng Thị Đ, anh Lê Minh N, anh Lê Minh H, anh Lê Minh T và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị Đ là chị Phan Thị Thu H và anh Phan Văn N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Minh H và anh Lê Trường H.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Thanh S.

- Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

+ Không chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị Bé E, bà Hồ Thị C, ông Hồ

Thanh S, ông Hồ Văn L, bà Hồ Thị M, bà Hồ Thị Kim C và ông Hồ Thanh Lo về việc yêu cầu ông Lê Văn H, bà Hoàng Thị Đ, anh Lê Minh N, anh Lê Minh H và anh Lê Minh T liên đới tháo dỡ tài sản trên đất lấn chiếm để trả lại 105,850m^2 đất, thuộc thửa số 198, tờ bản đồ số 16 do hộ ông Lê Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Lê Văn H vào năm 2005.

+ Không chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị Bé E, bà Hồ Thị C, ông Hồ Thanh S, ông Hồ Văn L, bà Hồ Thị M, bà Hồ Thị Kim C và ông Hồ Thanh L về việc yêu cầu chị Phan Thị Thu H, anh Phan Văn N, anh Lê Minh H và anh Lê Trường H liên đới tháo dỡ các tài sản trên phần đất lấn chiến để trả lại 20,442m^2 đất.

- Về án phí:

+ Bà Hồ Thị Bé E, bà Hồ Thị C, ông Hồ Thanh S, ông Hồ Văn L, bà Hồ Thị M, bà Hồ Thị Kim C và ông Hồ Thanh L phải chịu 12.524.500đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và 200.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, tổng cộng là 12.724.500đ. Tiền án phí được trừ vào 1.889.500đ mà các Nguyên đơn được nhận lại (Do rút một phần yêu cầu khởi kiện), 4.578.500đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 004050 ngày 05/5/2011(Trong đó đã trừ 209.000đ theo quyết định số 345/2012/QĐST-DS ngày 07/12/2012 trong số tiền 4.787.500đ theo biên lai số 004050 ngày 05/5/2011), 200.000đ theo biên lai số 006383 ngày 16/7/2012 và 200.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 17814 ngày 12/9/2013 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố C, số còn lại phải nộp tiếp là 5.856.500đ.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Bà Hồ Thị Bé E, bà Hồ Thị C, ông Hồ Thanh S, ông Hồ Văn L, bà Hồ Thị M, bà Hồ Thị Kim C và ông Hồ Thanh L phải chịu 13.805.000đ, đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV và THA TAND Tỉnh ĐT;
- TAND TP. C;
- Chi cục THADS TP. C;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sỹ Danh Đạt